TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
T□NH CAO B□NG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lâp - Tư do - Hanh phúc

Bản án số: 06/2019/ HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 6 năm 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nông Văn Phóng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Minh Tâm.
2. Bà : Nông Thị Trường

- Thư ký phiên toà*:* bà Công Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: ông Nông Ích Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018. Về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXX- ST ngày 22 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04 /2019 QĐST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị H; Sinh năm: 1995.
Trú tại: Xóm B M - xã C T - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn D; Sinh năm: 1987.
Trú tại: Xóm N M - xã P C - huyện T K - tỉnh Cao Bằng.

(vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lý Thị H trình bày như sau: Chị và anh D kết hôn vào ngày 20/10/2014, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được

hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không có giấy đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường đã có thời gian sống chung 3 năm và có 2 con chung đặt tên là Hoàng Thuý H sinh ngày 03/02/2016, con thứ 2 đặt tên là Lý Thị Vân N, sinh ngày 08/02/2019 hiện nay hai con ở với chị tại xóm B M, xã C T.

Nguyên nhân lý do tôi xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống với gia đình hai vợ chồng không hợp nhau, nên mâu thuẫn gia đình luôn sảy ra thường xuyên, đã nhiều lần mẹ chồng mắng chửi tôi nhưng tôi là phận làm dâu cố gắng chịu đựng để qua chuyện mà vẫn tiếp tục sảy ra, ngày 08 tháng 8 năm 2018 (âm lịch) chồng và mẹ chồng đuổi tôi ra khỏi nhà. Sau đó chồng tôi gọi điện thoại bảo bố mẹ và hai anh trai tôi lên đón tôi về, tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên tôi xin ly hôn.

Về tài sản: Tài sản hồi môn ngày cưới gồm có 7 chăn, 7 màn, 1 tủ đứng và 1 chiếc xe máy mua 27.000.000đ bố mẹ tôi bỏ ra 22.000.000đ.

Tài sản chung hai vợ chồng tôi sống chung với bố me nên chưa tạo dựng được gì nhiều anh D và mẹ anh D đuổi tôi ra khỏi nhà thì trong nhà có 5 con lợn mỗi con 25 kg .

Tài sản riêng có 1 máy sát thóc mua 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn). Số tài sản trên hiện nay anh D đang quản lý sử dụng.

Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 08 tháng 8 năm 2018 âm lịch.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ vợ chồng cho tôi được ly hôn anh Dũng;

Về con chung tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Yêu cầu anh Dũng cấp dưỡng tôi trong tháng đẻ đứa con thứ hai là 5.000.000 (Năm triệu đồng chẵn);

Về tài sản như chăn, màn tủ và một số đồ vật dụng khác yêu cầu chia theo qui định của pháp luật và trả chiếc xe máy cho tôi.

Tại bản tự khai đề ngày 19 tháng 12 năm 2018, bị đơn anh Hoàng Văn D trình bày như sau: Tôi (D) và chị H kết hôn vào ngày 11/12/2014, Việc kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không có giấy đăng ký kết hôn. Sau khi cưới xong tình cảm vợ chồng bình thường, đã có thời gian sống chung 3 năm và có 2 con chung đặt tên là Hoàng Thuý H sinh ngày 03/02/2016 còn con thứ hai đang chửa được 7 tháng.

Nguyên nhân, lý do chị H xin ly hôn: Trong thời gian chung sống với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống và không thông cảm cho nhau nên chị H bỏ về nhà mẹ đẻ. Chúng tôi đã chính thức cắt đứt quan hệ vợ

chồng từ ngày 16/10 /2018 đến nay.

Tài sản ngày cưới gồm có chăn, màn, tủ đứng; Tài sản chung có 1 máy sát và 5 con lợn con lúc H bỏ đi không ai chăn tôi đã bán nhưng lợn bị mùi hôi không được tiền; Thóc năm nay thu được 30 bao; Tài sản riêng không có.

Nay chị H yêu cầu ly hôn tôi nhất trí ly hôn; về con chung tôi xin được trược tiếp nuôi con Hoàng Thuý H sinh ngày 03/02/2016 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, nhất trí cấp dưỡng chị H trong tháng đẻ đứa con thứ hai là 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn).

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn chị Lý Thị H cung cấp cho Tòa án: Giấy khai sinh của con, Chứng minh nhân dân Lý Thị H ngoài ra không có giấy tờ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

□p dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị H yêu cầu ly hôn với anh Hoàng Văn D.

Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

[1] Về tố tụng dân sự: chị H và anh D kết hôn vào ngày 20/10/2014, Việc kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Không đăng ký kết hôn. Chị có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T K, tỉnh Cao Bằng giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện T K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là quan hệ không hợp pháp, không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương xét thấy, về mặt tình cảm vợ chồng, thực tế đã có cuộc sống chung có thời gian sống rất hạnh phúc và đã có với nhau 02 con chung đặt tên là Hoàng Thuý H sinh ngày 03/02/2016, còn con thứ hai đặt tên là Lý Thị Vân N, sinh ngày 08/02/2019.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn theo chị H trình bày là do: Trong thời gian sống chung tính tình không hợp quan điểm không thống nhất hay sảy ra nhiêu mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị cảm thấy cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn xin ly hôn. Chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 08 tháng 8 năm 2018 (âm lịch).

[3] Tại phiên toà hôm nay hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa chị Lý Thị H và anh Hoàng Văn D không có giấy đăng ký kết hôn là trái với qui định của pháp luật. Cụ thể là trái với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân gia đình quy định "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện, Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"* và khoản 1 Điều 14 qui định " *Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo qui định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*". Như vậy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh D là hoàn toàn trái với các qui định của pháp luật. Chị H làm đơn để chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh D là có căn cứ và đúng với các qui định của pháp luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] **Về con chung**: Trong quá trình sống chung, anh D và chị H có 02 con chung Hoàng Thuý H sinh ngày 03/02/2016 và cháu Lý Thị Vân N, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2019.

Hiện nay, cả 02 cháu Hoàng Thuý H và Lý Thị Vân N đang ở với chị H tại xóm B M, xã C T, huyện T K, tỉnh Cao Bằng. Xét thấy yêu cầu chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là có căn cứ và yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Từ lúc chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm B M, xã C T từ ngày 16/10 /2018 đến nay anh D không quan tâm đến vợ con chị H và khi chị H sinh con thứ hai có điện thoại báo cho anh D biết nhưng anh D cũng không quan tâm. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác và anh D phải cấp dưỡng hàng tháng theo qui định của pháp luật: Cụ thể là 1.000.000đ/tháng/1 cháu, tổng cộng là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/06/2019.

Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] **Về tài sản chung:** Tại phiên hòa giải ngày 19/12/2018 anh Hoàng Văn D nhất trí chia tài sản cho chị H.

Tài sản hồi môm ngày cưới chia cho chị Hường 4 chăn, 4 màn, 1 tủ đứng.

Tài sản chung có 1 máy sát anh D nhất trí cho chị H và cho chị H 5 bao thóc tẻ, 1 bao thóc nếp.

Anh D nhất trí cấp dưỡng cho chị H trong tháng đẻ con thứ 2 là 5.000.000đ.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 22 tháng 5 năm 2019 chị Lý Thị H xác nhận nhất trí với ý kiến của anh D chia tài sản cho chị tại biên bản hòa giải ngày 19/12/2018. Còn chiếc xe máy anh D không nhất trí trả cho chị, Nay chị không yêu cầu tòa án giải quyết nữa để cho anh D được quyền sở hữu.

[6] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Lý Thị H phải chịu án phí dân dự sơ thẩm ly hôn và anh Hoàng Văn D phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: chị H và anh D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và điển a khoản 2 Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

□p dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1.**Về quan hệ vợ chồng**: Nay xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị H và anh Hoàng Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là Hoàng Thuý H, sinh ngày 03/02/2016, và cháu Lý Thị Vân N, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2019 cho chị Lý Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con: anh Hoàng Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung hàng tháng 2.000.000đ/tháng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử ngày 13/06/2019 cho đến khi cháu Hoàng Thuý H sinh ngày 03/02/2016 và cháu Lý Thị Vân N, sinh ngày 08/02/2019 đủ 18 tuổi.

Anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.**Tài sản chung**: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị H và anh D.

- Về tài sản hồi môn ngày cưới anh D nhất trí giao cho chị H quản lý và sử dụng gồm: 04 Chăn; 04 màn; 01 tủ đứng.

- về tài sản chung: anh D nhất trí giao cho chị H quản lý và sử dụng: gồm 01 máy sát; 05 bao thóc tẻ mỗi bao là 40kg tổng cộng là 200kg; 01 bao thóc nếp là 40kg và tiền cấp dưỡng cho chị H trong tháng đẻ con thứ hai là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

4. **Về án phí:** Chị Lý Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị H đã nộp đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T K theo biên lai số AA/2011/000148 ngày 03/12/2018. Anh D phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng để sung công quỹ nhà nước.

5. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Tòa Dân Sự TAND tỉnh;
-Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án TAND tỉnh;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã P C;
- UBND xã C T;
- Hai bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán

(đã ký)

Nông Văn Phóng